

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NEW ERA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NEW ERA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109941051

**3. Ngày thành lập:** 22/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 29, tòa Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02473003468

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,... | 4663     |
| 6.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6619     |
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6810     |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản.                                                                                                                                                                                                                                 | 6820     |
| 9.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020     |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410     |
| 11. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8110     |
| 12. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8121     |

|     |                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan              | 8130        |
| 14. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp              | 8211        |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                  | 4101(Chính) |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                            | 4102        |
| 17. | Xây dựng công trình đường sắt                      | 4211        |
| 18. | Xây dựng công trình đường bộ                       | 4212        |
| 19. | Xây dựng công trình điện                           | 4221        |
| 20. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                | 4222        |
| 21. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | 4223        |
| 22. | Xây dựng công trình công ích khác                  | 4229        |
| 23. | Xây dựng công trình thủy                           | 4291        |
| 24. | Xây dựng công trình khai khoáng                    | 4292        |
| 25. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo              | 4293        |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác         | 4299        |
| 27. | Phá dỡ                                             | 4311        |
| 28. | Chuẩn bị mặt bằng                                  | 4312        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                              | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.175.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 117.500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN SĨ<br>LƯƠNG       | Xóm 5, Xã Hoàng<br>Yến, Huyện<br>Hoàng Hoá, Tỉnh<br>Thanh Hoá, Việt<br>Nam                                          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.525.0<br>00 | 35.250.000.000           | 3,000        | 174573743                                                                                                              |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Tổng số                            | 3.525.0<br>00 | 35.250.000.000           | 3,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>TRANG<br>NHUNG | Căn 2410, Toà<br>W1 Vinhomes<br>West Point,<br>Phường Mễ Trì,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.175.0<br>00 | 11.750.000.000           | 1,000        | 0011980348<br>30                                                                                                       |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     | Tổng số                            | 1.175.0<br>00 | 11.750.000.000           | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                          |                                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                                |                           |             |                  |        |              |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------|------------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ HỒNG | Căn 2712A-Tòa N05, Golden Time, đường Tân Xuân, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 112.800.000 | 1.128.000.000.00 | 96,000 | 038195000821 |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0           | 0                | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0           | 0                | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0           | 0                | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0           | 0                | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Tổng số                   | 112.800.000 | 1.128.000.000.00 | 96,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                |                           |             |                  |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038195000821

Ngày cấp: 02/08/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Căn 2712A-Tòa N05, Golden Time, đường Tân Xuân, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn 2712A-Tòa N05, Golden Time, đường Tân Xuân, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội